

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TỔ CHỨC NGÀY 11/10/2020**

| TT | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------|------------|----------|-----------|-----------|-----------------------------|---------|---------|
|    |                        |           |            |          | Lý thuyết | Thực hành |                             |         |         |
| 1  | Phan Ngọc Anh          | Nam       | 08/05/1974 | Nghệ An  | 7.3       | 9.0       | 268/QĐ222                   | 1140918 |         |
| 2  | Phan Thị Mai Anh       | Nữ        | 30/07/1993 | Nghệ An  | 6.7       | 8.0       | 269/QĐ222                   | 1140919 |         |
| 3  | Nguyễn Thị Bình        | Nữ        | 08/10/1988 | Hà Tĩnh  | 6.3       | 5.5       | 270/QĐ222                   | 1140920 |         |
| 4  | Vi Văn Châu            | Nam       | 01/02/1990 | Nghệ An  | 6.0       | 5.5       | 271/QĐ222                   | 1140921 |         |
| 5  | Phan Thị Thu Hà        | Nữ        | 17/08/1995 | Nghệ An  | 5.7       | 8.0       | 272/QĐ222                   | 1140922 |         |
| 6  | Trần Thị Lệ Hằng       | Nữ        | 04/08/1977 | Hà Tĩnh  | 6.3       | 5.0       | 273/QĐ222                   | 1140923 |         |
| 7  | Hoàng Thị Hồng Hạnh    | Nữ        | 27/10/1995 | Nam Định | 7.3       | 7.5       | 274/QĐ222                   | 1140924 |         |
| 8  | Nguyễn Thị Hồng Hạnh   | Nữ        | 15/03/1998 | Nghệ An  | 6.3       | 8.0       | 275/QĐ222                   | 1140925 |         |
| 9  | Nguyễn Thị Mai Hiên    | Nữ        | 15/09/1984 | Nghệ An  | 6.3       | 6.0       | 276/QĐ222                   | 1140926 |         |
| 10 | Nguyễn Thị Hiền        | Nữ        | 12/10/1987 | Nghệ An  | 5.7       | 5.0       | 277/QĐ222                   | 1140927 |         |
| 11 | Võ Văn Hiệp            | Nam       | 13/09/1964 | Nghệ An  | 5.3       | 5.0       | 278/QĐ222                   | 1140928 |         |
| 12 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | Nữ        | 10/07/1996 | Nghệ An  | 6.3       | 8.0       | 279/QĐ222                   | 1140929 |         |
| 13 | Lê Thanh Huyền         | Nữ        | 20/05/1996 | Hà Tĩnh  | 6.7       | 5.5       | 280/QĐ222                   | 1140930 |         |
| 14 | Đậu Thị Mỹ Linh        | Nữ        | 02/09/1992 | Nghệ An  | 6.0       | 5.0       | 281/QĐ222                   | 1140931 |         |
| 15 | Đậu Thị Ngọc           | Nữ        | 01/05/1987 | Nghệ An  | 5.7       | 5.0       | 282/QĐ222                   | 1140932 |         |
| 16 | Vũ Văn Phúc            | Nam       | 03/03/1976 | Nghệ An  | 6.7       | 6.0       | 283/QĐ222                   | 1140933 |         |
| 17 | Nguyễn Thị Mai Phương  | Nữ        | 21/01/1996 | Nghệ An  | 7.3       | 8.5       | 284/QĐ222                   | 1140934 |         |
| 18 | Nguyễn Văn Sơn         | Nam       | 01/10/1967 | Nghệ An  | 6.3       | 5.0       | 285/QĐ222                   | 1140935 |         |
| 19 | Nguyễn Thị Sương       | Nữ        | 12/12/1996 | Nghệ An  | 6.7       | 8.0       | 286/QĐ222                   | 1140936 |         |

| TT | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------|------------|----------|-----------|-----------|-----------------------------|---------|---------|
|    |                        |           |            |          | Lý thuyết | Thực hành |                             |         |         |
| 20 | Nguyễn Thị Thanh       | Nữ        | 12/07/1980 | Hà Tĩnh  | 5.7       | 5.0       | 287/QĐ222                   | 1140937 |         |
| 21 | Võ Tấn Thành           | Nam       | 17/08/1998 | Nghệ An  | 7.0       | 5.0       | 288/QĐ222                   | 1140938 |         |
| 22 | Hồ Văn Thành           | Nam       | 21/10/1965 | Nghệ An  | 5.3       | 5.0       | 289/QĐ222                   | 1140939 |         |
| 23 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Nữ        | 01/07/1986 | Nghệ An  | 7.3       | 7.5       | 290/QĐ222                   | 1140940 |         |
| 24 | Cù Thị Thảo            | Nữ        | 10/08/1992 | Nghệ An  | 6.7       | 5.0       | 291/QĐ222                   | 1140941 |         |
| 25 | Cao Thị Thảo           | Nữ        | 19/04/1994 | Nghệ An  | 6.0       | 5.0       | 292/QĐ222                   | 1140942 |         |
| 26 | Võ Thị Thương Thủy     | Nữ        | 22/09/1996 | Nghệ An  | 5.3       | 5.5       | 293/QĐ222                   | 1140943 |         |
| 27 | Nguyễn Phương Thủy     | Nữ        | 28/08/1996 | Nghệ An  | 7.3       | 8.0       | 294/QĐ222                   | 1140944 |         |
| 28 | Nguyễn Thị Tình        | Nữ        | 06/10/1988 | Hà Tĩnh  | 6.0       | 8.0       | 295/QĐ222                   | 1140945 |         |
| 29 | Thái Nữ Tú Trinh       | Nữ        | 28/02/1997 | Nghệ An  | 5.7       | 7.5       | 296/QĐ222                   | 1140946 |         |
| 30 | Hồ Công Văn            | Nam       | 11/02/1998 | Nghệ An  | 6.3       | 5.5       | 297/QĐ222                   | 1140947 |         |



